TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hùng;
2. Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị T, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp 6, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Trần Văn M, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: tôi và anh Trần Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh ngày 21-02-2011. Sau khi ký kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với cha anh M là ông Trần Thanh L tại ấp PH, xã PC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mỗi người một ý, anh M không đi làm chỉ ở nhà, một mình tôi đi làm chăm lo cuộc sống gia đình.

Đỉnh điểm là tới tháng 3 năm 2023, do anh M chơi bời nhiều quá, tôi nói nhiều lần nhưng anh M không thay đổi, tôi không chịu được nên bỏ về sống cùng với cha mẹ tôi tại ấp 6, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 tới nay không ai nói chuyện với ai, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 18-5-2013. Cháu N là con gái, mới được 11 tuổi, cháu học xong lớp 4, năm sau lên lớp 5. Hiện cháu N đang sống cùng tôi, tôi chăm sóc cháu N rất tốt, cháu rất vui vẻ và phát triển tốt về mọi mặt. Tôi làm công nhân, thu nhập hàng tháng 8.000.000 đồng tới 9.000.000 đồng, tôi có khả năng chăm sóc tốt cho cháu N. Nên khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu nên anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn M: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản cần tống đạt cho anh M theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh M không có ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 11-8-2023, ông Lê Văn N - Trưởng ấp PH, xã PC, thị xã TB trình bày: anh M và chị T là vợ chồng, có một con chung là cháu N. Sau khi kết hôn anh M và chị T sống cùng nhà với cha anh M tại ấp PH, xã PC. Tới tháng 3 năm 2023, giữa anh M và chị T phát sinh mâu thuẫn nên chị T bỏ về sống tại ấp 6, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An cho tới nay. Hiện cháu N đang sống cùng chị T.

Theo biên bản xác minh ngày 11-8-2023, ông Trần Thanh L là cha của anh Trần Văn M trình bày: anh M và chị T là vợ chồng có một con chung là cháu N. Sau khi kết hôn anh M và chị T sống cùng tôi tại ấp PH, xã PC. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng do anh M ăn chơi quá chị T không chịu được nên bỏ về sống cùng với cha mẹ tại ấp 6, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An từ tháng 3 năm 2023 tới nay. Anh M biết chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với mình, anh M đồng ý ly hôn với chị T nhưng do bận đi làm nên anh M không thể tới Tòa án làm việc được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tống đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định cho chị T được ly hôn anh M; giao con chung là cháu N cho chị T nuôi, ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh M.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị T và anh M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PC, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh Tây Ninh ngày 21-02-2011. Nên hôn nhân giữa chị T và anh M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị T và anh M sống cùng nhà với cha anh M tại ấp PH, xã PC. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M ăn chơi không chịu làm ăn nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 tới nay. Từ khi ly thân tới nay chị T và anh M không gặp nhau, không nói chuyện với nhau và không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Anh M biết việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với mình nhưng anh M không có ý kiến.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa chị T và anh M không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh M.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Thị Bảo Ng, sinh ngày 18-5-2013. Hiện cháu N mới hơn 10 tuổi, là con gái, đang sống cùng chị Th và cháu N cũng mong muốn được sống cùng chị T. Do đó, để đảm bảo về điều kiện hoàn cảnh và sự phát triển bình thường của cháu N, nên giao cháu N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Trần Văn M.

1. Về hôn nhân: cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Trần Văn M.

2. Về con chung: giao cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 18-5-2013 cho chị Đặng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đặng Thị T không yêu cầu; anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Đặng Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Đặng Thị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0027216 ngày 12 tháng 5 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Chị Đặng Thị T và anh Trần Văn M có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND xã PC;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Huy Phong